TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/KDTM-PT
Ngày: 18/3/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Lân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/KDTMPT ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng thi công"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2661/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 577/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2350/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH.

Trụ sở: Phòng 02, Tầng 8, Tòa nhà P, Phường P1, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 86/2021/GUQ ngày 29/10/2021) (Có mặt) .

2. *Bị đơn:* Công ty CP Xây dựng Công trình giao thông TS.

Trụ sở: 51 đường O, phường O1, thành phố O2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Khắc M - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 08/12/2021) (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Quản lý A (nay là Ban Quản lý A').

Địa chỉ: Số 05 đường K, phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Quang C (Giấy ủy quyền số 02/UQ-DDCN/2023 ngày 26/4/2023 của Ban quản lý A') (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức.

Người kháng cáo: Công ty CP Xây dựng Công trình giao thông TS.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nộp đến tòa ngày 02/11/2021, Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/4/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH (gọi tắt là Công ty TH) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Ngày 09/12/2014, Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH (gọi tắt là Công ty TH) ký kết Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD với Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông TS (gọi tắt là Công ty TS). Nội dung hợp đồng ghi nhận Công ty TH có nghĩa vụ cung cấp và thi công hệ thống an toàn giao thông cho gói thầu XL2.TP4 "Xây dựng cống hộp và đường trên cống hộp từ Km5+183.8 đến Km6+003.8" thuộc dự án Thành phần số 4 "Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm", chủ đầu tư dự án là Ban Quản lý A. Tại Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/TH ngày 22/12/2014, các bên ký bổ sung giá trị hợp đồng sau thuế là 1.043.644.821 đồng và "gia hạn Thời gian thực hiện hợp đồng số 0213/2014/HĐ-XD ký ngày 09/12/2014 từ ngày 22/12/2014 đến ngày 30/6/2015". Theo thỏa thuận tại khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD, các bên thống nhất Công ty TS có nghĩa vụ tạm ứng 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, Công ty TS có nghĩa vụ thanh toán khối lượng hoàn thành, bao gồm giá trị tạm ứng tương ứng với 95% giá trị hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ban Quản lý A chuyển tiền về tài khoản cho Công ty TS. Công ty TH đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Công trình đã được bàn giao và đưa vào sử dụng. Phía Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông TS không có bất kỳ khiếu nại gì về chất lượng công trình. Ngày 23/5/2015, Công ty TH có xuất cho Công ty TS hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu TH/14P, số 0000151, ngày 23/5/2015 với tổng số tiền đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.043.644.821 đồng. Công ty TS đã thanh toán số tiền 600.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 443.644.821 đồng. Công ty TH đã nhiều lần nhắc nợ qua bộ phận kế toán nhưng phía Công ty TS vẫn không thực hiện việc thanh toán số tiền còn lại. Nay qua một công ty khác, Công ty TH biết công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng nên Công ty TH khởi kiện yêu cầu Công ty TS thanh toán số tiền còn lại là 443.644.821 đồng và chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 443.644.821 đồng.

Tại phiên tòa, do không cung cấp được mức lãi suất nợ quá hạn của 03 ngân hàng thương mại để tính tiền lãi theo Điều 306 Luật Thương mại nên Công ty TH yêu cầu bị đơn phải chịu mức lãi suất 13,5%/năm tương ứng với số tiền lãi là 461.697.004 đồng. Về thời gian tính lãi, đối với số tiền 391.462.580 đồng thuộc một phần trong 95% giá trị hợp đồng, thời điểm tính tiền lãi từ ngày 26/6/2015; đối với 5% giá trị còn lại của hợp đồng tương ứng số tiền 52.182.281 đồng, thời điểm tính tiền lãi kể từ ngày 01/10/2018, tiền lãi được tạm tính đến thời điểm xét xử.

Về việc Công ty TS yêu cầu đình chỉ vụ án, Công ty TH nhận thấy Công ty TS nộp Bản tự khai ngày 14/12/2021 và xác nhận: "ngày 20/6/2015, chủ đầu tư đã thanh toán đủ cho TS của gói thầu XL2.TP4". Từ Bản tự khai của Công ty TS, Công ty TH mới hay biết chủ đầu tư đã chuyển tiền cho Công ty TS. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày chủ đầu tư chuyển tiền cho Công ty TS, Công ty TS có nghĩa vụ phải trả tiền cho Công ty TH. Công ty TS đã nhận đủ tiền từ chủ đầu tư nhưng không chuyển trả tiền cho Công ty TH là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền biết hoặc buộc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Ngày 01/4/2022, Công ty TH nộp Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện là còn trong thời hiệu. Hơn nữa, ngày 21/4/2023, Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS ký Công văn số 21/2023/TCKT gửi Chi cục thuế thành phố Thủ Đức và xác nhận như sau: "*2/ Ngày 23/5/2023 Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH tiến hành xuất hóa đơn GTGT số 0000151 ký hiệu TH/14P ngày 23/5/2015 với tiền hàng là: 948.768.019 Đồng và tiền thuế là: 94.876.802 Đồng. Tổng giá trị thanh toán là: 1.043.644.221 đồng cho Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS. 3/ Việc mua bán là có thật, hóa đơn là hợp pháp nên trong kỳ tháng 5/2015 Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS đã tiến hành kê khai để khấu trừ thuế đối với hóa đơn nêu trên tại Chi cục thuế Quận 9, Tp Hồ Chí Minh (nay thuộc Chi cục thuế Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh)*". Điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp: "*Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện*". Như vậy, bằng Công văn số 21/2023/TCKT, trước cơ quan nhà nước là Chi cục Thuế thành phố Thủ Đức, bên có nghĩa vụ là Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ đối với người khởi kiện là Công ty TH. Do đó, nếu áp dụng điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại.

Bị đơn Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS có ông Nguyễn Khắc M là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nộp bản tự khai trình bày ý kiến như sau:

Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS có ký kết Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD ngày 09/12/2014 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/TH ngày 22/12/2014 với Công ty TH. Trên thực tế, đến ngày 20/6/2015 chủ đầu tư đã thanh toán đủ tiền cho Công ty TS đối với gói thầu XL2.TP4. Công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, giá trị mà Công ty TH thi công chỉ tương ứng 600.000.000 đồng. Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS đã thanh toán đủ tiền cho Công ty TH. Nay Công ty TH khởi kiện Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS là không có cơ sở. Mặt khác, tranh chấp đối với Hợp đồng thi công xây dựng đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có nộp Bản tự khai trình bày ý kiến như sau:

Ban Quản lý A' là pháp nhân kế thừa của Ban Quản lý A. Dự án Thành phần số 4 "Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm" thuộc Tiểu dự án "Nâng cấp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh", Dự án "Nâng cấp đô thị Việt Nam" do Ban Quản lý A là chủ đầu tư. Việc khởi kiện giữa hai công ty không liên quan đến Ban Quản lý A'. Ban Quản lý A' không có ý kiến, không có yêu cầu gì và đề nghị được vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 2661/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH:

Buộc Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS trả cho Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH tổng số tiền là: 778.642.254 (bảy trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi bốn)

đồng, bao gồm: Nợ tiền hàng: 443.644.821 (bốn trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi mốt) đồng; Tiền lãi tính đến ngày 27/7/2023 là: 334.997.433 (ba trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi ba) đồng.

Các bên thực hiện thanh toán tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS phải chịu tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại kể từ ngay sau ngày 27/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí:

- Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS phải chịu số tiền án phí là: 35.145.690 (ba mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm chín mươi) đồng. Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS chưa nộp tiền án phí.

- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH phải chịu số tiền án phí là: 6.334.979 (sáu triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi chín) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 9.725.804 (chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm linh bốn) đồng theo Biên lai số AA/2021/0026626 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, hoàn lại cho Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH số tiền chênh lệch là: 3.390.825 (ba triệu, ba trăm chín mươi nghìn, tám trăm hai mươi lăm) đồng và số tiền 10.872.896 (mười triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu) đồng theo Biên lai số AA/2021/004741 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 8 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 452/QĐKN NPT-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023 Kháng nghị cho rằng bản án sơ thẩm áp dụng căn cứ để xác định thời hiệu giải quyết vụ án là chưa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tại hợp đồng từ năm 2015, mặc dù biết số tiền nhận được còn thiếu nhưng nguyên đơn không thực hiện quyền yêu cầu trả tiền do đó việc bản án sơ thẩm nhận định theo bản tự khai ngày 14/12/2021 của bị đơn thì nguyên đơn mới biết ngày chủ đầu tư chuyển tiền và nhận định từ sau ngày 14/12/2021 nguyên đơn mới biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là không có căn cứ. Trường hợp này do nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu theo hợp đồng về bản chất là yêu cầu đòi lại tài sản là số tiền do nguyên đơn đã thực hiện thi công theo hợp đồng nhưng bị đơn chưa thanh toán đủ. Do đó căn cứ Khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự để xác định đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu thuộc

trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2661/2023/KDTM-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức do bản án sơ thẩm đánh giá chưa toàn diện chứng cứ .

Đến ngày 14/8/2023 bị đơn – Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông TS làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng căn cứ để xác định thời hiệu. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Khối lượng thực tế mà Công ty TH thực hiện chỉ có 600.000 đồng và Công ty TS đã thanh toán đủ tiền cho Công ty TH. Từ thời điểm kết thúc hợp đồng là ngày 30/6/2015 đến nay Công ty TH không có bất cứ yêu cầu thanh toán nào mặc dù nguyên đơn biết chủ đầu tư đã thanh toán đủ cho TS tiền của gói thầu XL2.TP4. Thời điểm Công ty TH nhận được tiền quyết toán hợp đồng thì Công ty TH buộc phải biết việc chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty TS nên ngày 01/10/2015 Công ty TH có gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân quận Tân Phú đề nghị hỗ trợ giúp đỡ Công ty TH thu hồi vốn. Mặt khác thời điểm nguyên đơn nhận được Công văn số 1298/UBND-NĐ ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân quận Tân Phú thông báo công trình đã hoàn thành và đưa vào khai khác sử dụng mà Công ty TS không thực hiện thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng là ngày quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Đến ngày 02/11/2021 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên đã hết thời hiệu khởi kiện.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày*: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Công ty TH đã hoàn thành công việc và bàn giao công trình lại cho Công ty TS sử dụng từ ngày 23/5/2015, đến ngày 29/7/2015 Công ty TS chuyển khoản thanh toán 500.000.000 đồng rồi không thanh toán nữa mặc dù nguyên đơn đã gửi bộ hồ sơ kèm Hóa đơn GTGT đề nghị thanh toán nhưng Công ty TS không phản hồi nên Công ty TH phải nhờ các cơ quan khác hỗ trợ thu hồi vốn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm vì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự vì bên có nghĩa vụ là Công ty TS đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ trước cơ quan thuế đối với Công ty TH tại Công văn số 21/2023/TCKT ngày 21/4/2023 gửi Chi cục thuế thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Đối với quyết định kháng nghị số 452/QĐ-KNPT-KDTM ngày 07/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xin rút toàn bộ nội dung quyết định kháng nghị này.

Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Công ty TH khởi kiện Công ty TS về "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng" và yêu cầu Công ty TS trả số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thi công xây dựng cho gói thầu XL2.TP4 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, kháng cáo của Công ty TS có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của Công ty TS, hủy bản án số 2661/2023/KDTM-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện theo điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng thi công, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai pháp nhân và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông TS có địa chỉ trụ sở làm việc tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định về thẩm quyền theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức và Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định là hợp lệ, nên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định về thẩm quyền theo qui định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Quản lý A (nay là Ban Quản lý A') đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị rút toàn bộ kháng nghị theo nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 452/QĐKN NPT-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức. Căn cứ Khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án theo nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 452/QĐKN NPT-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TS kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Ngày 09/12/2014 bên giao thầu là Công ty TS (bên A) và Bên nhận thầu là Công ty TH (bên B) ký kết Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD với Nội dung Công ty TS giao cho Công ty TH thực hiện việc cung cấp và thi công hệ thống an toàn giao thông cho gói thầu XL2.TP4 "Xây dựng cống hộp và đường trên cống hộp từ Km5+183.8 đến Km6+003.8" thuộc dự án Thành phần số 4 "Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm", chủ đầu tư dự án là Ban Quản lý A. Tại Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/TH ngày 22/12/2014, các bên ký bổ sung giá trị hợp đồng sau thuế là 1.043.644.821 đồng và Hai bên thống nhất gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng số 0213/2014/HĐ-XD ký ngày 09/12/2014 từ ngày 22/12/2014 đến ngày 30/6/2015.

Công trình đã được bàn giao cho Công ty TS đưa vào sử dụng vào ngày 23/5/2015. Công ty TH đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 23/5/2015 với tổng số tiền đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.043.644.821 đồng. Ngày 29/7/2015 Công ty TS chuyển khoản thanh toán 500.000.000 đồng rồi không thanh toán thêm mặc dù Công ty TH đã gửi bộ hồ sơ thanh quyết toán kèm hóa đơn gửi TS và TS đã xác nhận (tại Công văn số 21/2023/TCKT gửi Chi cục thuế thành phố Thủ Đức) "*…trong kỳ tháng 5/2015 Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS đã tiến hành kê khai để khấu trừ thuế đối với hóa đơn nêu trên tại Chi cục thuế Quận 9, Tp Hồ Chí Minh* ".

Theo đơn khởi kiện của Công ty TH đề ngày 29/10/2021, được Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận ngày 02/11/2021 và được Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức thụ lý số 171/2021/TLST-KDTM ngày 26/11/2021 về "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng" với Công ty TS, yêu cầu Công ty TS trả số tiền thi công xây dựng còn thiếu căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/TH và hóa đơn GTGT số 0000151 ngày 23/5/2015 là 443.644.821 đồng. Đến ngày 01/4/2022 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền trên từ ngày 26/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng và cho đến nay hai bên không thực hiện được việc quyết toán giá trị công trình, biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên do Công ty TS không đồng ý ký các biên bản trên.

Ngày 03/11/2022, Công ty TS có Đơn đề nghị áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TH và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định như sau "*1. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự; 2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu*

này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc".

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao quy định như sau "*3. Quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu tại Điều 159 và Điểm h Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 được áp dụng đến hết ngày 31-12-2016 để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; 4. Từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và luật khác có liên quan về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động*".

[4.2] Nhận thấy: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty TH và Công ty TS là Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng do đó khi giải quyết tranh chấp phải áp dụng Luật chuyên ngành về nội dung là Luật Xây dựng, nhưng trong Luật Xây dựng không có điều khoản nào quy định về vấn đề thời hiệu khởi kiện liên quan đến các tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng. Do đó căn cứ Khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng, khoản 1 Điều 2 Nghị định 37/NĐ-CP và quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 để xác định *"thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*.

[4.3] Xét: Tại khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD, các bên thoả thuận thời gian thanh toán như sau: " *Bên A sẽ tạm ứng trước khi thi công cho bên B với giá trị là 100.000.000 đồng. Khối lượng thanh toán là khối lượng thực tế mà bên B thi công đạt được, được chủ đầu tư , tư vấn giám sát đồng ý nghiệm thu và có sự xác nhận của đại diện bên A.* ***Sau khi chủ đầu tư chi trả cho bên A về tài khoản chuyên chi bên A (Công ty TS) sẽ thanh toán tổng giá trị khối lượng là 95% bao gồm giá trị tạm ứng trong vòng 05 ngày (kể từ ngày Ban Quản lý Achuyển tiền cho bên A)****, Bên B sẽ hoàn tất chứng từ, công nợ (nếu có). Thời gian thanh toán theo tiến độ chủ đầu tư chi trả cho bên A*". Do vậy, thời điểm Công ty TS phải thanh toán cho Công ty TH được xác định trên cơ sở khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự 2015: " Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận" nên Theo tinh thần hướng dẫn tại Điểm a, Khoản 5, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "Thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện được tính kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước bị xâm phạm và được xác định như sau:a/ Đối với nghĩa vụ dân sự mà các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định thời hạn thực hiện, nếu hết thời hạn đó mà bên có nghĩa vụ không thực hiện, thì ngày hết hạn thực hiện nghĩa vụ là ngày xảy ra xâm phạm.".

Như vậy theo qui định tại Điều 5.2 của Hợp đồng thì khi nguyên đơn nhận số tiền 500.000.000 đồng do bị đơn thanh toán vào ngày 29/7/2015 thì bị đơn buộc phải biết số tiền thanh toán trên là số tiền thanh toán 95% giá trị hợp đồng mà Công ty TS đã được chủ đầu tư chi trả vì nguyên đơn đã nhận số tiền thanh toán trong phạm vi 95% giá trị hợp đồng. Mặt khác sau khi hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng từ ngày 23/5/2015 và bị đơn chỉ thanh toán thêm 500.000.000 đồng rồi không thanh toán theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Đến ngày 01/10/2015 Công ty TH đã làm văn bản đề nghị Uỷ ban nhân dân quận Tân Phú hỗ trợ giúp đỡ TH thu hồi vốn mà Công ty TS đã nợ khi thi công hệ thống an toàn giao thông cho gói thầu XL.2.TP4 . Nguyên đơn đã xuất trình tại tòa công văn số 1298/UBND-NĐ ngày 30 tháng 10 năm 2015 do Uỷ ban nhân dân quận Tân Phú gửi cho chủ đầu tư là Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đô thị và gửi cho công ty TH. Tại văn bản này thể hiện "Sau khi kiểm tra ghi nhận xác định Dự án thành phần số 4 "Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm" tại gói thầu XL2.TP4 do Ban Quản lý Alàm chủ đầu tư xây dựng công trình, đến nay công trình đã cơ bản hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng".

[4.4] Căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty TH khởi kiện Công ty TS về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

Đến ngày 20/6/2015 Công ty TS đã được chủ đầu tư chi trả đủ tiền gói thầu XL2.TP4. Tại tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty TH đã hoàn thành công trình và bàn giao công trình cũng như Hóa đơn GTGT cho Công ty TS từ ngày 23/5/2015 nhưng Công ty TS chỉ chuyển khoản cho Công ty TH số tiền 500.000.000 đồng để thanh toán khối lượng theo qui định tại Điều 5.2 của Hợp đồng rồi ngưng không thanh toán, mặc dù Công ty TH đã gửi đầy đủ bộ hồ sơ quyết toán nhưng Công ty TS không phản hồi và không ký hồ sơ nghiệm thu nên nguyên đơn phải yêu cầu các cơ quan chức năng trong đó có Uỷ ban nhân dân quận Tân Phú hỗ trợ thu hồi vốn. Đến ngày 30 tháng 10 năm 2015 Uỷ ban nhân dân quận Tân Phú cũng đã gửi công văn số 1298/UBND-NĐ cho Công ty TH xác định Dự án thành phần số 4 "Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm" tại gói thầu XL2.TP4 do Ban Quản lý Alàm chủ đầu tư xây dựng công trình, đến nay công trình đã cơ bản hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng". Như vậy có căn cứ xác định khi Công ty TH nhận được 500.000.000 đồng do Công ty TS thanh toán vào ngày 29/7/2015 như đã phân tích tại mục [4.3] và Công ty TH được Uỷ ban nhân dân quận Tân Phú thông báo cho biết công trình đã được đưa vào khai thác sử dụng từ ngày **30/10/2015** nhưng Công ty TS không phản hồi đối với yêu cầu của Công ty TH về việc buộc Công ty TS thanh toán tiếp số tiền còn thiếu theo thỏa thuận của các bên tại Điều 5.2 của Hợp đồng là thời điểm tính ngày quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TH bị xâm phạm. Nhưng, đến ngày **29/10/2021** Công ty TH mới làm đơn khởi kiện (*Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận ngày **02/11/2021***) và được Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức thụ lý ngày 26/11/2021 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.5] Tại phiên tòa người đại diện của Công ty TH cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh Công ty TS đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình với Công ty TH hoặc các bên đã tự hòa giải với

nhau để có thể bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo qui định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự. Do đó nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng "Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD được ký kết ngày 09/12/2014 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/TH được ký kết ngày 22/12/2014, tính đến thời điểm Công ty TH nộp đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 là hơn 03 năm. Tuy nhiên, ngày 14/12/2021, Công ty TS nộp Bản tự khai xác nhận: "ngày 20/6/2015, chủ đầu tư đã thanh toán đủ cho TS của gói thầu XL2.TP4". Theo thỏa thuận tại khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc thi công xây lắp số 0213/2014/HĐ-XD, Công ty TS phải thanh toán khối lượng hoàn thành bao gồm giá trị tạm ứng tương ứng với 95% giá trị hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày chủ đầu tư chuyển tiền về tài khoản cho Công ty TS. Từ Bản tự khai của Công ty TS, Công ty TH mới biết chủ đầu tư đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TS nhưng Công ty TS không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty TH. Công ty TS không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh sau khi chủ đầu tư chuyển tiền cho Công ty TS, Công ty TS có gửi thông báo cho Công ty TH biết. Như vậy, có đầy đủ cơ sở để nhận định từ sau ngày 14/12/2021, Công ty TH mới hay biết quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Ngày 01/4/2022, Công ty TH nộp Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện là còn trong thời hiệu. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông TS về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH" là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đã phân tích trên và không đúng với thỏa thuận của các bên về thời hạn thanh toán theo qui định tại Điều 5.2 của Hợp đồng và qui định tại khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự 2015.

[4.6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện, cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 "*Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết*".

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm đã nộp, người kháng cáo là Công ty TS không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án theo nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 452/QĐKN NPT-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức .

- Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông TS.

- Căn cứ Điều 148, điểm e Điều 217, Điều 218, khoản 3 Điều 284 ,khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 278, Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 2661/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 189/KDTMPT ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thi công" giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH.

Trụ sở: Phòng 02, Tầng 8, Tòa nhà P, Phường P1, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông TS.

Trụ sở: 51 đường O, phường O1, Thành phố O2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Quản lý A (nay là Ban Quản lý A').

Địa chỉ: Số 05 đường K, phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

2.1- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng TH được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.725.804 (chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm linh bốn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0026626 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 10.872.896 (mười triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/004741 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty CP Xây dựng Công trình giao thông TS được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0004529 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hường **Ngô Thị Phúc Hảo** **Nguyễn Thu Chinh**